

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

MỘT SỐ LỖI THƯỜNG GẶP TRONG SỬ DỤNG TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN TIẾNG ANH ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI VÀ CÁCH KHẮC PHỤC

SOME MOST COMMON ERRORS MADE BY PRE-INTERMEDIATE STUDENTS
NON-MAJOR ENGLISH AT HANOI CAPITAL UNIVERSITY AND SOLUTIONS

TRỊNH PHAN THỊ PHONG LAN

(ThS; Đại học Thủ đô Hà Nội)

Abstract: In terms of differences in linguistics type, Vietnamese students learning English, especially the pre-intermediate ones, often make some most common errors. In the essay, through analysis of some most common errors made by pre-intermediate students non-major English at Hanoi Capital University, we present the causes and solutions to correct the errors so as to promote the effect of teaching.

Key words: Error; English; Hanoi Capital University; error correction.

1. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi thông qua phân tích một số lỗi ngữ pháp thường gặp trong sử dụng tiếng Anh của sinh viên không chuyên ngữ trường Đại học Thủ đô Hà Nội, chỉ ra nguyên nhân và giải pháp khắc phục lỗi, nhằm cải thiện chất lượng dạy học tiếng Anh trong Nhà trường.

2. Theo "Từ điển Ngôn ngữ học ứng dụng và dạy tiếng", "Lỗi của người học (trong khi nói hoặc viết một ngôn ngữ thứ hai hay ngoại ngữ) là hiện tượng sử dụng một đơn vị ngôn ngữ (chẳng hạn một từ, một đơn vị ngữ pháp, một hoạt động nói năng...) bằng cách mà người bản ngữ hoặc người giỏi thứ tiếng đó cho là sai hoặc cho là chưa đầy đủ" [Đẫn theo 1].

Về nguyên nhân của lỗi, các học giả cũng có những ý kiến khác nhau. Tuy nhiên, có thể khái quát một số nguyên nhân chủ yếu đã đạt đến độ thống nhất cao như sau: (1) Lỗi do sử dụng tri thức đã biết ở ngôn ngữ đích để khám phá ngôn ngữ đích, còn gọi là lỗi do vượt tuyến; (2) Lỗi do chuyển di, là lỗi xảy ra do người học mượn những tri thức có sẵn trong tiếng mẹ đẻ để áp đặt lên việc tiếp thu, sử dụng ngôn ngữ đích, còn gọi là lỗi do sự chuyển di tiêu cực của tiếng mẹ đẻ trong quá trình thụ đắc ngôn ngữ thứ hai; (3) Lỗi do khác biệt về văn hóa.

Trong quá trình học ngoại ngữ, cũng với quá trình tiếp xúc với ngôn ngữ đích, sự khác biệt về văn hóa và ngôn ngữ trong lòng tiếng mẹ đẻ và ngôn ngữ đích đã làm nảy sinh giao thoa. Có thể nói, hiện tượng giao thoa trong ngôn ngữ chính là hiện tượng mà khi một người học và sử dụng ngôn ngữ thứ hai

do áp lực của thói quen sử dụng tiếng mẹ đẻ (hoặc ngôn ngữ thứ nhất) nên đã tiếp nhận và hình thành thói quen ngôn ngữ mới trên những thói quen của tiếng mẹ đẻ hay ngôn ngữ thứ nhất mà người học đã thành thạo. Thói quen đó đã chi phối quá trình thụ đắc ngôn ngữ thứ hai. Tính hai mặt của thói quen ngôn ngữ này được thể hiện ở sự chuyển di tích cực và chuyển di tiêu cực. Trong đó, cái gọi là chuyển di tích cực thể hiện ở chỗ, người học có thể tận dụng những điểm giống nhau giữa hai ngôn ngữ để tiếp nhận ngôn ngữ đích một cách thuận lợi nhất. Mặt khác, sự chuyển di tiêu cực chính là do sự áp đặt quy tắc ngôn ngữ của tiếng mẹ đẻ sang ngôn ngữ đích nhưng không phù hợp, dẫn đến lỗi. Phân tích lỗi có vai trò chỉ ra lỗi mà người học và sử dụng nằm ở đâu, nguyên nhân của lỗi là gì để có hướng khắc phục, bởi vì nó được tiến hành với các trường hợp cụ thể. Chính vì vậy, nghiên cứu lỗi và phân loại lỗi, từ đó đưa ra cách phục là vấn đề rất có ý nghĩa đối với dạy học ngoại ngữ nói chung và dạy học tiếng Anh cho người Việt Nam nói riêng.

3. Qua thực tế khảo sát lỗi sử dụng tiếng Anh của sinh viên không chuyên tiếng Anh đại học Thủ đô Hà Nội, kết hợp với kinh nghiệm giảng dạy tiếng Anh nhiều năm tại trường, chúng tôi đã rút ra được những lỗi mang tính phổ biến của sinh viên trong giai đoạn đầu tiếp xúc với tiếng Anh. Lỗi được thể hiện trên các phương diện sau:

Thứ nhất, lỗi do chuyển di tiêu cực từ tiếng mẹ đẻ sang ngôn ngữ đích

Đa số sinh viên không chuyên tiếng Anh, khi mới tiếp xúc với thứ tiếng này, vì chưa có sự hiểu biết đầy đủ về ngữ pháp tiếng Anh, đã áp đặt hình thức ngôn ngữ của tiếng mẹ đẻ (tiếng Việt) sang ngôn ngữ đích và làm tương như vậy là một sự biểu đạt đúng. Tuy nhiên, quy tắc đó có khi chỉ đúng với tiếng Việt mà lại sai với tiếng Anh. Ví dụ:

(1) *I hungry*. (Tôi đói). Dạng đúng của câu này phải là: *"I am hungry"*. Bởi vì, trong tiếng Anh, *"hungry"* là một tính từ.

Trong tiếng Việt, để biểu thị ý nghĩa về thời, có các từ *"đã"* biểu thị quá khứ, *"đang"* biểu thị hiện tại và *"sẽ"* biểu thị tương lai. Nói cách khác, tiếng Việt đã sử dụng yếu tố ngoài từ để biểu thị ý nghĩa ngữ pháp. Tuy nhiên, tiếng Anh với tính chất là ngôn ngữ biến hình, đã sử dụng hình thức biến đổi trong bản thân từ để biểu thị ý nghĩa ngữ pháp. Ví dụ, thì quá khứ đơn trong tiếng Anh yêu cầu thêm đuôi *"-ed"* vào sau động từ, nhưng cũng có những trường hợp không theo quy tắc này, như động từ *"go"* không thể chuyển thành *"goed"* mà phải là *"went"*. Với trường hợp này, sinh viên Việt Nam thường mắc lỗi dưới hai hình thức, một là theo thói quen thêm *"-ed"* vào sau động từ *"go"*; hai là giữ nguyên *"go"* như dạng động từ tiếng Việt.

Thứ hai, lỗi do xác định sai động từ, sai thời thể và lỗi vượt tuyến

Trong tiếng Anh, cách dùng của động từ và tính từ là hoàn toàn khác nhau. Trong tiếng Anh, tính từ làm vị ngữ thường đi kèm với động từ *"to be"*, nhưng tiếng Việt thì khác. Đây là lỗi sinh viên thường mắc phải. Có trường hợp, sinh viên đã áp đặt một điểm kiến thức nào đó đã học sang một điểm kiến thức mới được tiếp xúc nào đó, đồng thời nói rộng những quy tắc ngôn ngữ ra ngoài phạm vi của nó. Đây là trường hợp mắc lỗi do áp đặt tri thức đã biết trong ngôn ngữ đích vào việc khám phá, tiếp thu chính ngôn ngữ đích. Trường hợp này là lỗi vượt tuyến. Ví dụ, lỗi tương tự về các động từ không theo quy tắc như *to be*, lỗi thêm số nhiều vào sau danh từ, ... như:

(2) *I am like*.

(3) *Two mouses are chasing*.

Trong ví dụ (2), *"am"* là động từ *to be* được chia với ngôi thứ nhất số ít, phía sau thường là tính từ hoặc danh từ. Còn như *"like"* là động từ thường khi làm vị ngữ thì đúng độc lập làm động từ chính trong

câu, như *I like singing English song*. Lỗi ở đây là dùng thừa động từ *to be*. Ví dụ (3) mắc lỗi là do thêm số nhiều vào sau danh từ.

Trường hợp sinh viên mắc lỗi do không thêm hậu tố trong động từ, ví dụ:

(4) *Yesterday I learn English and practise the piano*.

Trong ví dụ trên, sinh viên mắc lỗi là do không thêm hậu tố, chỉ còn giữ lại *"learn"* và *"practice"*. Dạng đúng phải là *"Yesterday I learned English and practised the piano."*

Một nguyên nhân nữa là do tập khuôn các câu trúc. Chẳng hạn, giáo viên trong quá trình lên lớp đưa ra ví dụ về thời trong tiếng Anh, như:

(5) *He walks quickly*. (Anh ấy đi rất nhanh)

Khi chuyển thành thời hiện tại tiếp diễn, cần đưa về cấu trúc *"To be + V-ing"*. Dạng đúng của câu này là: *He is walking quickly*. Do sinh viên áp dụng sai cấu trúc nên đã chuyển thành dạng: *He is walks quickly* và lỗi ngữ pháp đã xảy ra.

Mặt khác, có trường hợp sinh viên áp dụng quy tắc ngữ pháp không đúng chỗ, nên mắc lỗi. Ví dụ:

(6) *"The man who I saw him..."*

Trong ví dụ trên, chỉ cần bỏ từ *"him"* đi là câu trở nên chính xác. Bởi vì, đối tượng của động từ *"see"* (gặp) đã xác định, không cần lặp lại. Tuy nhiên, có trường hợp sinh viên không xác định được khách thể của *"see"* đã hiện diện và mắc lỗi dùng thừa đại từ *"him"*.

Có trường hợp áp dụng quy tắc nửa vời. Lỗi này thường xảy ra khi người học quan tâm đến thông tin muốn trao đổi hơn là cấu trúc câu cần vận dụng để biểu đạt thông tin. Ví dụ:

(7)

<i>Câu hỏi của giáo viên</i>	<i>Câu trả lời của sinh viên</i>
a) Do you like reading?	* I very like reading books
b) Did she go out?	* Yes, she went out.
c) Will they soon be ready?	* Yes, they soon be ready.

Cả ba câu trả lời trên đều mắc lỗi do sử dụng sai cấu trúc. Câu trả lời đúng phải là: a) Yes, I do; b) Yes, she did và c) Yes, they will.

Trong các trường hợp giả định "nếu như", "giả mã", "ước gì" chỉ sự việc không có thật ở hiện tại thì yêu cầu sử dụng thì quá khứ đơn. Mặc dù vậy, nhiều

sinh viên lại không nhận ra sự không có thật của sự vật trong hiện tại, nên vẫn chia thời của câu văn về hiện tại đơn, dẫn đến lỗi sai. Ví dụ:

(8) I wish I have a car.

Câu này nghĩa là "Tôi ước tôi có một chiếc xe ô tô", tức là hiện tại tôi không/chưa có và tôi ước có một chiếc ô tô. Câu văn đúng phải là "I wish I had a car".

Trên đây là một số lỗi thường gặp với đa số sinh viên không chuyên khi mới tiếp xúc với tiếng Anh ở giai đoạn đầu. Ngoài ra, còn những lỗi về ngữ âm, từ vựng, hoặc do không nắm bắt được sự khác nhau về thói quen văn hóa giữa người Việt Nam và người thuộc các nước nói tiếng Anh. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi chưa đề cập đến.

4. Trước hết, phải nói đến sự chênh lệch về phương thức thể hiện các ý nghĩa ngữ pháp giữa tiếng Việt và tiếng Anh do chúng thuộc hai loại hình ngôn ngữ khác nhau. Người học theo thói quen tư duy vốn có đã áp đặt quy tắc ngữ pháp của tiếng Việt (tiếng mẹ đẻ) sang tiếng Anh (ngôn ngữ đích), hoặc áp đặt những kiến thức đã biết về ngôn ngữ đích để tiếp nhận kiến thức của bài biết trong ngôn ngữ đích. Nói cách khác, đó là lỗi do sự chuyển di tiêu cực của tiếng mẹ đẻ sang ngôn ngữ đích và lỗi vượt tuyến. Mặt khác, với người học tiếng Anh không chuyên, do ảnh hưởng về thời gian, động cơ học tập cũng như mục đích học tập, họ không đặt nhu cầu bức thiết phải đạt đến độ chuẩn xác trong sử dụng ngôn ngữ đích lên hàng đầu như những người học tiếng Anh như một môn chuyên ngành, nên tỉ lệ mắc lỗi nhiều hơn.

Để khắc phục lỗi, chúng tôi nhận thấy, điều đầu tiên cần vận dụng thủ pháp đối chiếu ngôn ngữ và kết quả nghiên cứu đối chiếu ngôn ngữ vào quá trình dạy học, nhằm thông qua phân tích lỗi khiến người học có thể ý thức được một cách có cơ sở khoa học về lỗi bản thân người học mắc phải biểu hiện như thế nào, vì sao lại mắc lỗi ấy. Trên cơ sở đó, hướng cho người học chỉnh sửa lỗi và ghi nhớ các cấu trúc, các cách biểu đạt chuẩn xác, phù hợp với người bản ngữ.

Hơn ai hết, người giáo viên phải làm chủ được các kiến thức ngôn ngữ mà mình truyền đạt, bằng "con mắt nhà nghề" tiên đoán, xác định lỗi nào là chủ yếu đối với mỗi đối tượng người học cụ thể, từ đó tiến hành dạy học có trọng điểm, tập trung cao độ

vào trọng điểm đó để người học được giảng giải, thấu đáo và luyện tập nhiều lần, tạo điều kiện nhớ kỹ, ấn tượng sâu về trọng điểm ngôn ngữ ấy. Tất cả việc dạy học những trọng điểm ngôn ngữ ấy của được tiến hành dưới sự hướng đạo của giáo viên thông qua hệ thống câu hỏi gợi mở, giúp sinh viên chủ động, tích cực tham gia vào hoạt động dạy học, tránh truyền thụ một chiều từ phía giáo viên đến sinh viên theo phương pháp truyền thống. Như vậy, giờ học trên lớp sẽ trở nên sôi động, cuốn hút và tạo hứng thú cho sinh viên, đồng thời tăng cường năng lực quan sát, tư duy trừu tượng và hợp tác trong quá trình lên lớp. Kỹ năng thực hành giao tiếp ngôn ngữ cũng qua đó mà được nâng cao.

5. Lỗi là điều không thể tránh trong quá trình thụ đắc ngôn ngữ thứ hai của người học. Lỗi của sinh viên Việt Nam trong quá trình học và sử dụng tiếng Anh như một ngoại ngữ không chuyên, trước hết là lỗi ngữ pháp là rất đa dạng và thường xuyên hơn so với đối tượng chuyên tiếng Anh. Nguyên nhân dẫn đến mắc lỗi đến từ hai phía: nguyên nhân chủ quan chủ yếu là do động cơ và năng lực của người học; nguyên nhân khách quan chủ yếu là do sự khác biệt về loại hình giữa tiếng Việt và tiếng Anh. Do đó, có thể quy kết nguyên nhân của lỗi làm hai loại: lỗi do sự chuyển di tiêu cực của tiếng mẹ đẻ sang ngôn ngữ đích và lỗi vượt tuyến.

Để khắc phục lỗi, chúng tôi đã đưa ra một số đề xuất, chủ yếu là vận dụng kết quả của nghiên cứu đối chiếu ngôn ngữ vào quá trình dạy học và việc xác định trọng điểm ngôn ngữ trong quá trình dạy học để đạt được sự tập trung cao độ và thực hiện qua các hình thức tổ chức dạy học khác nhau, thông qua hệ thống câu hỏi gợi mở, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo, tích cực tham gia vào hoạt động dạy học của sinh viên. Đồng thời gây được hứng thú, cuốn hút sinh viên vào quá trình nắm bắt kiến thức và thực hành giao tiếp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Nguyễn Thiện Nam (2001), *Khảo sát lỗi ngữ pháp tiếng Việt của người nước ngoài và những vấn đề liên quan*, Luận án TS Ngữ văn, ĐHKHXH&NV- ĐHQGHN
2. Lê Quang Thiêm (2008), *Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ*, Nxb ĐHQG Hà Nội.
3. *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, 2003, tr. 581.